TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2022
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm.

Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thành Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bà Lê Thị Y**, sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trần Bá N**, sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2022 và tại bản tự khai, nguyên đơn bà Bà Lê Thị Y trình bày:

Bà và ông Trần Bá N tổ chức cưới hỏi tự nguyện, không bị ai ép buộc; trước khi cưới hỏi được tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào ngày 10/01/1987 âm lịch nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ về sống chung cùng nhau tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Bà và ông N chung sống đến năm 1990 thì nảy sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã. Năm 2005, bà đã nộp đơn xin ly hôn ông N nhưng sau đó đã rút đơn. Bà đã ly thân với ông N từ tháng 3/2022 đến nay, hai bên không còn tình cảm gì. Bà đã được Tòa án giải thích về việc vợ chồng không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và ông Trần Bá N.

Về con chung: Bà và ông N có một con chung là Trần Bá L, sinh năm 1989. Hiện con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2022, bị đơn ông Trần Bá N trình bày: Ông và bà Y có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào ngày 05/5/1987 (âm lịch) nhưng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn mà chỉ chung sống như vợ chồng. Trong thời gian chung sống, ông và bà Y nảy sinh nhiều mâu thuẫn, ông và bà Y bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là về vấn đề kinh tế. Mặt khác bà Y nhiều lần tự ý bỏ nhà đi, không sống cùng ông. Nay ông xác định không còn tình cảm gì với bà Y, không thể tiếp tục chung sống. Do vậy ông cũng đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Y.

Về con chung: Ông và bà Y có một con chung là Trần Bá L, sinh năm 1989 như bà Y trình bày là đúng. Hiện con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bà Lê Thị Y vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Bá N; không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ chung. Bị đơn ông Trần Bá N cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Y.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiên về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bà Lê Thị Y: Không công nhận bà Bà Lê Thị Y và ông Trần Bá N là vợ chồng.

- Về án phí: Bà Bà Lê Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Bà Lê Thị Y khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Bá N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà Bà Lê Thị Y và ông Trần Bá N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ theo lời khai của các đương sự và qua xác minh tại địa phương thì được biết bà Y và ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ sau ngày 03/01/1987 và có một người con chung là Trần Bá L, sinh năm 1989. Qua xác minh, hiện nay tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang không còn lưu trữ sổ sách về việc đăng ký kết hôn trước năm 1999; tra cứu tại sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn giai đoạn từ năm 1999 đến nay thì không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa ông N và bà Y. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Bà Lê Thị Y và ông Trần Bá N không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

[3] Trong quá trình chung sống, bà Y và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, phía nguyên đơn bà Bà Lê Thị Y đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông N. Bị đơn ông Trần Bá N cũng xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống và nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Y. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Bà Lê Thị Y và ông Trần Bá N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Bà Bà Lê Thị Y và ông Trần Bá N có một con chung là Trần Bá L, sinh năm 1989. Do con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Bà Lê Thị Y, ông Trần Bá N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Bà Lê Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bà Lê Thị Y: Không công nhận bà Bà Lê Thị Y và ông Trần Bá N là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Bà Lê Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Bà Lê Thị Y đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: 0010796 ngày 10 tháng 5 năm 2022. Xác nhận bà Bà Lê Thị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Đức Nhường